TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Đạt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thúy Phượng

2. Ông Lê Quang Chính

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Lê Thị Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thị Ngọc Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-12-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16-12-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1991.** Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.** Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu p, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2008; đến ngày 13-01-2021 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6-2022, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã gay gắt, xúc phạm nhau, ông Nguyễn Văn T thường xuyên đánh đập bà X; bà X có góp ý nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6-2022 cho đến nay; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống;

Đến thời điểm hôm nay bà X xác định không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Văn T, tình cảm đối với ông T đã hết hoàn toàn; Vì vậy bà X yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T, bà X đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị H, sinh 10-10-201, hiện đang ở với bà X. Ly hôn bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà X làm nghề buôn bán quán cơm tại xã C, huyện T, hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đ, đủ khả năng nuôi con.

Ông T làm nghề phụ hồ, hàng tháng thu nhập bình quân bao nhiêu bà X biết, không quan tâm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao 01 người con chung tên Nguyễn Thị H, sinh 10-10-201 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con do bà X không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị X án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại khu p, thị trấn P, huyện N thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Dân, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 13-01-2021; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, xa cách thời gian dài, không ai đặt vấn đề trở lại chung sống đoàn tụ.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X thường xuyên cãi vã gay gắt, xúc phạm nhau, ông Nguyễn Văn T không quan tâm đến bà Nguyễn Thị X, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6-2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, bà Nguyễn Thị X không còn yêu thương ông Nguyễn Văn T nữa.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T có mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, hiện nay không còn chung sống với nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng, niêm yết công khai nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Nguyễn Thị X là có căn cứ.

Từ những chứng cứ nên trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị H, sinh 10-10-201, hiện đang ở với bà X. Ly hôn bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị X là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay; con chung mạnh khỏe, quyền lợi về mọi mặt của con chung được đảm bảo;

đồng thời cháu Nguyễn Thị H đã trên 07 tuổi có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị X, do đó phải tôn trọng ý kiến của con chung là có căn cứ; Vì vậy nên giao 01 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh 10-10-201 cho bà Nguyễn Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà X không yêu cầu, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 10-10-201 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà X không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002576, ngày 10-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn không có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND TT P, N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Đạt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Võ Thị Thúy Phượng Lê Quang Chính

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Đạt